

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40 /2019/ HNGĐ-ST

Ngày: 18- 9 -2019

V/v “ Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Long và Bà Nguyễn Thị Trúc

- Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh- Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 228 /2019/HNGĐ - ST ngày 9 tháng 7 năm 2019 về việc “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn ”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐST- HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 27 ngày 28/8/2019 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1985

HKTT: Số nhà 267 Phố G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Khách Sạn T, phường Q, tp Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Lê Đình C , sinh năm 1986

HKTT: Số nhà 267 Phố G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: số 293 Phố G, thị trấn T, huyện T, Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn và bản tự khai, cũng như đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày giữa chị và bị đơn là anh Lê Đình C đăng ký kết hôn ngày 20/6/2011 tại UBND xã Q, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống với nhau vợ chồng hạnh phúc được hơn 5 năm đến năm 2018 vợ chồng anh, chị xảy ra mâu thuẫn, hay cãi nhau, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, mặc dù đã được hai bên gia đình nội, ngoại khuyên nhủ vợ chồng nhiều lần, nhưng tình cảm vẫn không cải thiện được, mâu thuẫn ngày càng trầm

trọng. Anh, chị đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị N trình bày vợ chồng anh, chị có hai con chung với nhau tên các cháu là Lê Đình D, sinh ngày 05/11/2011 và cháu Lê Trâm A, sinh ngày 09/7/2015. Ly hôn nguyện vọng của chị là được nuôi cháu Trâm A, giao cháu D cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, vấn đề cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản và phần nợ: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh C vắng mặt không lý do, quá trình giải quyết vụ án anh C khai: Anh và chị N đăng ký kết hôn và chung sống với nhau như chị Ngân trình bày là hoàn toàn đúng, vợ chồng ly thân đã được hơn một năm, cuộc sống của ai người đó tự lo, không ai quan tâm đến ai.

Nay anh C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh cũng đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Về con chung: Anh C trình bày vợ, chồng anh chị có hai con chung, tên các cháu là Lê Đình D, sinh ngày 05/11/2011 và cháu Lê Trâm A, sinh ngày 09/7/2015. Ly hôn nguyện vọng của anh là được nuôi cả hai con, anh xét thấy đủ khả năng về kinh tế cũng như thời gian để chăm sóc các con, anh C trình bày hiện anh là giám đốc công ty P Việt Nam, thu nhập bình quân khoảng 15.000.000đ/tháng, nên không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản và phần nợ: Anh C không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; 56; Điều 81; 82; 83 luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị N, đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị N ly hôn anh C; Về con chung: Giao cho chị N nuôi cháu Trâm A, anh C nuôi cháu D, vấn đề cấp dưỡng không đặt ra. Về tài sản anh, chị không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. *Về tố tụng:* Chị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Anh Lê Đình C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa đến Tòa án để tham gia phiên tòa, mặc dù không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan nào, nhưng anh C không đến Tòa án, không có lý do; Căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Đình C đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 6 năm 2011 tại UBND xã Q, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống với nhau vợ chồng đoàn tụ hạnh phúc được khoảng hơn 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng hay cãi nhau, thiếu sự quan tâm lẫn nhau, dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Anh C cũng mong muốn được giải quyết ly hôn. Xét yêu cầu của chị N thì thấy tình trạng hôn nhân của anh, chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Lê Đình C.

[2]. *Về con chung*: Anh, chị có hai con chung với nhau. Hiện nay các cháu đang ở cùng anh C. Ly hôn vợ chồng anh, chị đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét việc yêu cầu được nuôi con của chị N và anh C đều chính đáng, anh, chị đều tha thiết xin được nuôi con, cả anh và chị đều có khả năng, điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì vụ án liên quan đến người chưa thành niên, nên ngày 18/7/2019 Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành xác minh tại UBND thị trấn T, xác định nguyên nhân tranh chấp là do anh, chị bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Vì vậy xuất phát từ lợi ích mọi mặt của các cháu, nhằm ổn định về tâm lý, sức khỏe cho các bé, căn cứ vào Điều 81 luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Lê Đình D cho anh cường trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, việc giao cháu D cho anh C nuôi dưỡng cũng rất phù hợp với nguyện vọng của cháu, giao Lê Trâm A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[3]. *Về tài sản*: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[4]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào 51;56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 điều 147; Điều 238; Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiêu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Xử cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Lê Đình C.

Về con chung: Giao cháu Lê Đình D cho anh C Trực tiếp nuôi dưỡng, chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Trâm A cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, vấn đề cấp dưỡng không đặt ra.

Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, người trực tiếp nuôi con chung và các thành viên trong gia đình không được ngăn cấm, cản trở. Nếu trong quá trình nuôi con bên trực tiếp nuôi con không chăm sóc chu đáo ảnh hưởng đến sự phát triển sức khỏe, học tập, sinh hoạt của con, thì bên còn lại có quyền khởi kiện đến Tòa án yêu cầu thay đổi nuôi con chung.

Về tài sản: Chị N, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai số AA/2018/0003610 ngày 9 tháng 7 năm 2019 nay trừ vào án phí ly hôn, chị N đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tuyên bố cho chị N, anh C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKS T
- Các đương sự
- UBND Xã Q
- tp Thanh Hóa
- Thi hành án
- Giám đốc á
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Trúc Nguyễn Bá Long

Lê Thị Thủy

